TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2017
V/v " Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảng;
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên toà: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXX-ST ngày 09/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/QĐST-DS ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 198X.

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà X, đường CK, phường TNH, thành phố B, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C2, xã TD, huyện LG, tỉnh B. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn P1, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà X, đường CK, phường TNH, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/6/2017, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Phạm Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/5/200X, chị và anh Đoàn Văn P1 kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TNH, tỉnh B, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng nhau ngay tại tổ 17, phường TNH, thành phố B. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 03/2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P1 hay đánh chị vì những nguyên nhân nhỏ nhặt. Vợ chồng ly thân từ tháng 03/2017 cho đến

nay, chị về nhà mẹ đẻ ở TD, LG sinh sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn P1.

Về con chung: Chị và anh P1 có 02 con chung là cháu Đoàn Thanh B, sinh ngày 26/10/200X và Đoàn Phương L, sinh ngày 24/12/201X. Hiện nay các con đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Đoàn Phương L và giao cho anh P1 nuôi dưỡng cháu Đoàn Thanh B. Vấn đề cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh P1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty may Hàn Quốc, thu nhập 6.000.000đồng/1 tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Đoàn Văn P1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như chị P trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hanh phúc. Đến tháng 3/2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị P xin ly hôn anh, anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Thanh B, sinh ngày 26/10/200X và Đoàn Phương L, sinh ngày 24/12/201X. Hiện nay, cả hai con chung đang ở với chị P , sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề tự do thu nhập ổn định từ 6.000.000đồng/1 tháng.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ngày27/7/2017, Tòa án đã xác minh với chính quyền địa phương và được cung cấp như sau: Năm 200X chị P kết hôn với anh Đoàn Văn P1. Khi kết hôn có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TNH. Sau khi kết hôn chị P về chung sống với anh P1 ngay và ở tại ngôi nhà do bố mẹ chồng để lại. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến thời gian gần đây thì địa phương không thấy chị P ở tại địa chỉ số X, đường CK nữa. Vợ chồng anh P1 ly thân được khoảng 03 tháng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh P1. Đề nghị giao con chung Đoàn Phương L cho chị nuôi dưỡng và giao con Đoàn Thanh B cho anh P1 nuôi dưỡng, không yêu cầu anh P1 phải cấp dưỡng nuôi

con chung. Về tài sản chung và công nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 21/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố B đã phải hoãn phiên tòa vì anh P1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn còn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự vắng mặt tại các phiên tòa xét xử. Về nội dung đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội đề nghị xử: Cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Đoàn Văn P1; về con chung: giao con chung Đoàn Phương L cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Đoàn Thanh B cho anh P1 chăm sóc, nuôi dưỡng vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Chị P phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa: Bị đơn là anh Đoàn Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Đoàn Văn P1 kết hôn ngày 19/5/200X, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TNH, thành phố B, tỉnh B, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường TNH cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, đúng với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc.Tuy nhiên, đến đầu tháng 3/2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh P1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hòa giải đoàn tụ gia đình. Nên cần cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Đoàn Văn P1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị P và anh P1 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Thanh B và cháu Đoàn Phương L. Tại biên bản ghi lời khai của cháu Đoàn Thanh B có sự chứng kiến của mẹ thì cháu mong muốn được ở với bố. Chị P có nguyện vọng được nuôi con chung Đoàn Phương L. Anh P1 có nguyện

vọng được nuôi cả hai con chung. Xét thấy, quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của bố mẹ đối với con chung là ngang nhau, cháu Linh còn nhỏ là con gái, đang ở cùng với mẹ. Cháu Bình có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, cần giao Linh cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Bình cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng để có thể đảm bảo ổn định cuộc sống, việc học tập và cho các cháu sự phát triển tốt nhất theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh P1 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Chị P và anh P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6]. Về tài sản chung: Vợ chồng xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[7]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: vợ chồng xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[8].Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điển a khoản 1 điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị P được ly hôn anh Đoàn Văn P1.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Phương L, sinh ngày 24/12/201X cho chị Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Đoàn Thanh B, sinh ngày 26/10/200X cho anh Đoàn Văn P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị P và anh P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000đ án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001807 ngày 06/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo;

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- UBND phường TNH, tp B, tỉnh B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA